

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia - Công ty Truyền tải điện 2 - Địa chỉ trụ sở: Số 220 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam - Tài khoản: 115000008870 tại Ngân hàng TMCP Công thương – CN Đà Nẵng - Mã số thuế: 0102743068-006 - Điện thoại: 0236 2225600 - Fax: 0236 2225600
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: - Xử lý chống sạt lở móng cột vị trí 57 Đường dây 220kV Sông Bung 2&4 - Thanh Mỹ 500. - Xử lý chống sạt lở móng cột vị trí 005 Đường dây 220kV 271,272 Xakeman 3-271,272 Đăk Ooc. - Xử lý chống sạt lở móng cột vị trí 008 Đường dây 220kV 271,272 Xakeman 3-271,272 Đăk Ooc. Các nội dung công việc cụ thể được mô tả trong HSMT tại: Bảng kê hạng mục công việc Mẫu 01A và Chương 5 - Yêu cầu kỹ thuật
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: - Vị trí 57 Đường dây 220kV Sông Bung 2&4 - Thanh Mỹ 500. - Vị trí 005 Đường dây 220kV 271,272 Xakeman 3-271,272 Đăk Ooc. - Vị trí 008 Đường dây 220kV 271,272 Xakeman 3-271,272 Đăk Ooc.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: 105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ công trình là: 105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: Ngày đáp ứng điều kiện khởi công công trình theo quy định tại Điều 107, Luật XD số 50/2014/QH13 và Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 sửa đổi.
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn giám sát là: Truyền tải điện Đà Nẵng.
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Nhà thầu nêu chi tiết tại Biểu tiến độ công trình.
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Các biên bản họp có đầy đủ chữ ký hợp pháp của đại diện chủ đầu tư và của nhà thầu; - Các phụ lục bổ sung hợp đồng được ký kết, Phụ lục tồn tại của Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư ... (nếu có).
<b>E-ĐKC 5.2</b>	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>03% giá hợp đồng</b> . - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có

	<p>hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<p><b>E-ĐKC 5.4</b></p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p><b>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</b></p> <p>Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các nội dung đã được quy định tại mục 37.2 Chương I/E-HSMT;</li> <li>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</li> <li>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</li> </ul> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p><b>- Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng:</b> Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT.</p> <p><b>- Gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</li> </ul>

	- Trường hợp công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà thầu vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSMT]</i> .
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10 % giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 28 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của nhà thầu chính hoặc tổng thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: - Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn chịu trách nhiệm sửa chữa sai sót công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công của Nhà thầu, mua bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Mức bảo hiểm theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Tất cả các chi phí bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của nhà thầu và đã bao gồm trong giá dự thầu. - Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các công việc, thủ tục, yêu cầu... với đơn vị bảo hiểm để bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng bảo hiểm công trình giữa Chủ đầu tư với Đơn vị bảo hiểm, hạn chế tối đa việc gián đoạn hay kéo dài tiến độ thực hiện công trình do xảy ra sự kiện bảo hiểm. - Trường hợp Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng

	<p>cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm. Trường hợp tổn thất đó không được bồi thường, thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm khắc phục toàn bộ các tổn thất bằng chi phí của mình cho Chủ đầu tư trong thời gian muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.</p>
<p><b>E-ĐKC 20.1(a)</b></p>	<p>a) Thời gian bảo hành công trình: Được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định là <b>24 tháng</b> kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.</p> <p>b) Yêu cầu về bảo hành công trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.</li> <li>+ <b>Hình thức bảo hành:</b> Thư bảo lãnh của Ngân hàng (<i>Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành</i>)</li> <li>- <b>Bảo lãnh bảo hành:</b> Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</li> <li>+ <b>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:</b> Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</li> </ul> <p>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi</p>

	<p>kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>- Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<b>E-ĐKC 21</b>	<p>Thông tin về Công trường là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí 57 Đường dây 220kV Sông Bung 2&amp;4 - Thạnh Mỹ 500 thuộc địa phận Xã Nam Giang, Tp Đà Nẵng.</li> <li>- Vị trí 005 Đường dây 220kV 271,272 Xakeman 3-271,272 Đăk Ooc thuộc địa phận Xã La Dê, Tp Đà Nẵng.</li> <li>- Vị trí 008 Đường dây 220kV 271,272 Xakeman 3-271,272 Đăk Ooc thuộc địa phận Xã La Dê, Tp Đà Nẵng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 24</b>	<p>- Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư, hoặc là ngày bàn giao mặt bằng tại thực địa cho Nhà thầu và có biên bản ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp theo hợp đồng của hai bên.</p>
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả, thì các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên thua kiện phải chịu án phí và mọi chi phí phát sinh.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khởi công: Là ngày Chủ đầu tư thông báo khởi công công trình hoặc trong vòng 07 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: 105 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 03 ngày từ ngày ký Hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết:</li> <li>- Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.</li> <li>- Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu tăng cường thêm 50% nhân lực, máy móc thiết bị thi công và sẽ thông báo nhà thầu trước 15 ngày mà không có chi phí tăng thêm.</li> <li>- Nội dung của bảng tiến độ thi công chi tiết lập cho toàn bộ dự án và cho từng hạng mục công việc gồm: (i) Bảng tiến độ lập trên MS Project và (ii) Bản thuyết minh;</li> </ul>

- Bảng tiến độ thi công chi tiết này là cơ sở cho việc xác định trách nhiệm các bên liên quan đến chậm tiến độ, vì vậy yêu cầu nhà thầu lập tiến độ chi tiết cho từng giai đoạn: Giao mặt bằng của bên mời thầu, giao bản vẽ của bên mời thầu, Cung cấp VTTB của bên mời thầu, thi công nghiệm thu công việc, nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu thí nghiệm, bàn giao đóng điện.
- Bảng thuyết minh của nhà thầu phải mô tả rõ bố trí công trường, bố trí máy móc thi công, bố trí nhân lực, các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và các yêu cầu hợp tác với chủ đầu tư, các bên liên quan khác.
- Trường hợp nhà thầu không trình tiến độ thi công chi tiết công trình sẽ được xem là nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ thi công hoàn thành đóng điện công trình theo hợp đồng do lỗi nhà thầu.
- Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được văn bản thỏa thuận bảng tiến độ thi công xây dựng công trình, nếu Chủ đầu tư không trả lời thì xem như Chủ đầu tư chấp thuận nội dung bảng tiến độ do nhà thầu đệ trình. Chủ đầu tư chịu mọi trách nhiệm đối với tiến độ bàn giao mặt bằng, cung cấp bản vẽ, cung cấp VTTB theo đề xuất của nhà thầu tại Bảng tiến độ đã trình.
- Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư mời Nhà thầu thương thảo chi tiết về bảng tiến độ thi công công trình nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày Nhà thầu trình bảng tiến độ cho Chủ đầu tư.
- Khi Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, chậm giao bản vẽ thi công, giao VTTB cho từng hạng mục thi công, tổ chức nghiệm thu,...thì nhà thầu có quyền lùi tiến độ thi công các hạng mục công việc đó với thời gian tương ứng.
- Trong quá trình thực hiện nếu vi phạm tiến độ cam kết và nếu việc điều chỉnh tiến độ hạng mục có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành công trình thì tại bất kỳ thời điểm nào, mỗi bên đều có quyền yêu cầu bên kia thương thảo lại về tiến độ hoàn thành công trình.
- Nếu nhà thầu không chủ động đánh giá và yêu cầu thương thảo lại tiến độ hoàn thành công trình thì vì bất kỳ lý do nào dẫn đến chậm tiến độ hạng mục công trình, nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm về việc chậm trễ hoàn thành công trình.  
*“- Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người, máy móc thiết bị và công trình trên công trường xây dựng, kể cả công trình phụ cận; có trách nhiệm trang bị bảo hộ lao động, hướng dẫn, đào tạo, phổ biến đầy đủ các quy định về an toàn cho Người lao động của mình.*
- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động, môi trường xung quanh và khu vực lân cận công trình. Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công công trình xây dựng.
- Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên phạm vi công trường do đơn vị mình đảm nhiệm thi công. Nếu có sai sót nào do lỗi chủ quan của nhà thầu dẫn đến sự cố, thiệt hại cho công trình, khu vực lân cận của Bên A và bên thứ 3 (nếu có) thì nhà thầu phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó và chịu trách nhiệm trước pháp luật.”

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vào ngày thứ 4 hàng tuần Nhà thầu phải có báo cáo tình hình thi công, tiến độ thi công tuần (theo mẫu do Chủ đầu tư quy định).</li> <li>+ Vào ngày thứ 4 của tuần cuối cùng hàng tháng, Nhà thầu báo cáo tình hình thi công và cập nhật tiến độ thi công tháng (theo mẫu do Chủ Đầu tư quy định).</li> <li>+ Trong các báo cáo Nhà thầu phải đánh giá các công việc chậm theo tiến độ đã cam kết, đề xuất điều chỉnh tiến độ.</li> <li>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 0 VNĐ.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp bất khả kháng;</li> <li>- Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Trường hợp khác (nếu có) trong quá trình thương thảo hợp đồng.</li> <li>- Chủ đầu tư không bàn giao mặt bằng thi công, bản vẽ, vật tư thiết bị theo đúng tiến độ cam kết</li> <li>- Nhà thầu/Chủ đầu tư đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của pháp luật nhưng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết không đảm bảo thời gian quy định; Do thời tiết bất khả kháng không thể thi công được. Do sự thay đổi về yêu cầu tiến độ đưa vào sử dụng công trình nhằm đồng bộ với các công trình khác/nhiệm vụ kinh tế xã hội khác.</li> </ul>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phải đảm bảo tất cả các vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ phải được kiểm soát chất lượng theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, yêu cầu thiết kế, quy định của hợp đồng xây dựng và các tài liệu có liên quan.</li> <li>- Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</li> <li>- Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</li> <li>- Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</li> </ul>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p><b>1. Tạm ứng:</b></p> <p>Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20%: giá trị Hợp đồng đã ký, theo hình thức chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền, trong vòng 30 ngày khi nhà thầu xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Văn bản yêu cầu tạm ứng.</li> <li>-Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (theo Mẫu số 15 Chương VIII) trong phụ lục của Hợp đồng này.</li> <li>-Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng (Theo Mẫu số 16 Chương VIII) với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực từ khi phát hành cho đến thời gian 30 ngày khi Chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng.</li> </ul>

**2. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:** Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

**3. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:**

-Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

-Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

-Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

-Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

**4. Hoàn trả tiền tạm ứng:**

Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

**5. Thời gian tạm ứng:** Ngày Nhà thầu phát hành bảo lãnh

**E-ĐKC 44.1**

**1. Phương thức thanh toán:**

Thanh toán bằng chuyển khoản, nhà thầu chịu phí chuyển tiền

a) Thanh toán tuân thủ các quy định dưới đây:

Tổng số lần thanh toán tối đa là: 03 lần, và tương ứng với khối lượng hoàn thành.

**b) Thanh toán giai đoạn:**

✓ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);

✓ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;

✓ Phiếu giá thanh toán theo quy định;

✓ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán (địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử [ptcktpc2@gmail.com](mailto:ptcktpc2@gmail.com));

✓ Bản vẽ hoàn công

✓ Nhật ký thi công

✓ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

**c) Quyết toán và thanh toán giai đoạn cuối:**

- *Phiếu giá thanh toán đợt cuối thì nhà thầu được thanh toán đến 90% giá trị hợp đồng (có khấu trừ tiền tạm ứng). Chủ đầu tư sẽ giữ lại 05% giá trị hợp đồng (bảo hành công trình). Khoản tiền giữ lại này sẽ được thanh toán sau khi nhà thầu hoàn thành trách nhiệm bảo hành công trình hoặc nhà thầu nộp bảo lãnh của Ngân hàng về số tiền bảo hành công trình.*

- *Khoản Tiền giữ lại chờ quyết toán (5%) sẽ được trả cho nhà thầu trong vòng 15 ngày kể từ ngày phê duyệt quyết toán và chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng.*

Hồ sơ Thanh toán giai đoạn cuối:

Khi nhà thầu đã thi công hoàn thành khối lượng theo hợp đồng, hồ sơ thanh toán như sau:

- ✓ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);
- ✓ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);
- ✓ Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;
- ✓ Biên bản bàn giao bản vẽ hoàn công có xác nhận giữa Chủ đầu tư - Nhà thầu nêu rõ số bản vẽ hoàn công đã giao, ngày lập hoàn công;
- ✓ Biên bản đối chiếu vật tư A cấp giữa Chủ đầu tư và nhà thầu nêu rõ số vật tư Chủ đầu tư giao cho nhà thầu, số vật tư đã lắp đặt vào dự án, số vật tư không lắp đặt, số vật tư Nhà thầu đã bàn giao cho Chủ đầu tư (nếu rõ số lượng, chất lượng), số vật tư nhà thầu chưa hoàn trả Chủ đầu tư, nếu vật tư nhà thầu hoàn trả kém chất lượng thì phải phân tích nguyên nhân làm rõ trách nhiệm của nhà thầu trước khi thanh toán;
- ✓ Biên bản xác định giá trị thanh toán A-B cho toàn bộ khối lượng đã thực hiện theo hợp đồng;
- ✓ Biên bản đối chiếu công nợ xác định theo giá trị thanh toán A-B thống nhất, số tiền đã chuyển trả cho nhà thầu đến ngày đối chiếu, giá trị vật tư Chủ đầu tư cấp còn dư thừa nhưng nhà thầu chưa trả lại (nếu có), số tiền giữ lại theo hợp đồng;
- ✓ Phiếu giá thanh toán theo quy định.
- ✓ Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán.
- ✓ Bản vẽ hoàn công.
- ✓ Nhật ký thi công.
- ✓ Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

Chủ đầu tư giữ lại tiền bảo hành công trình, tiền giữ lại chờ quyết toán theo hợp đồng.

*Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại:*

- ✓ Các tài liệu theo hợp đồng như biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành/ bảo lãnh bảo hành công trình, tài liệu phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền,...;
- ✓ Biên bản xác nhận không còn tồn tại trong quá trình bàn giao của đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành tài sản. Trường hợp không có xác nhận của đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành tài sản thì phải có xác nhận khối lượng

	<p>nhà thầu thi công không còn tồn tại/ không bị hư hỏng trong thời gian bảo hành của bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm bàn giao công trình;</p> <p>Trường hợp Chủ đầu tư đã thanh toán tiền bảo hành cho nhà thầu khi nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành thì Chủ đầu tư sẽ theo dõi thời hạn bảo lãnh bảo hành, mọi hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành sẽ được thông báo cho nhà thầu kịp thời, trường hợp nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ bảo hành thì yêu cầu nhà thầu gia hạn thời hạn bảo lãnh bảo hành hoặc thực hiện các thủ tục thu bảo lãnh bảo hành theo quy định.</p> <p>✓ Biên bản đối chiếu giá trị quyết toán được duyệt với giá trị thanh toán A - B đã thống nhất, điều chỉnh giảm số chênh lệch (nếu có).</p> <p>Việc thanh toán hoặc giải tỏa <b>bảo lãnh bảo hành</b> đối với tiền bảo hành và tiền giữ lại quyết toán được tiến hành độc lập, căn cứ vào điều kiện thanh toán/giải tỏa theo hợp đồng để thực hiện.</p> <p>Thanh lý hợp đồng: Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: <i>5% chờ quyết toán.</i></p>
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Việc sửa đổi hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 114 của Nghị định 214/2024/NĐ-CP và Điều 70 của Luật Đấu thầu. Việc sửa đổi hợp đồng chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khi có sự thay đổi về chính sách, pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng;</li> <li>Sự kiện bất khả kháng;</li> <li>Thay đổi về thiết kế được duyệt;</li> <li>Một hoặc các bên đề xuất các sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</li> <li>Thay đổi tiến độ hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 70 của Luật Đấu thầu;</li> <li>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, bao gồm khối lượng, giá và các nội dung khác.</li> </ol>
<b>E-ĐKC 47.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quy định (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì nhà thầu sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 02% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm;</li> <li>+ Chậm mỗi 10 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần Hợp đồng bị vi</li> </ul> </li> </ul>

	<p>phạm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng thì bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm tạm ứng.</li> </ul> <p>b) Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu hàng năm do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt được cập nhật trên phần mềm quản lý đầu tư xây dựng của EVN là căn cứ để xác định. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ <a href="http://dauthau.evn.com.vn">http://dauthau.evn.com.vn</a> để nắm bắt được các thông tin:</li> <li>+ Quy định của Tập đoàn khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.</li> <li>+ Quy định của Tập đoàn về việc áp dụng kết quả đánh giá.</li> <li>- Nếu nhà thầu vi phạm nghĩa vụ hoàn thành Hợp đồng theo tiến độ quá thời gian 01 tháng hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Chủ đầu tư có quyền đề nghị chấm dứt Hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt như trường hợp không thực hiện Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</li> <li>- Nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí Bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của nhà thầu.</li> <li>- Nếu nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền Bảo lãnh bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của nhà thầu mà không cần bất cứ lý do gì của nhà thầu.</li> <li>- Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu</li> </ul> <p>c) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng:  Trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Đồng thời việc khắc phục phần việc vi phạm chất lượng của Nhà thầu dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành so với tiến độ qui định thì Nhà thầu phải chịu thêm mức phạt chậm về tiến độ như qui định tại các mục nêu trên.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng” Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình.
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Ngày nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Nhà thầu phải nộp bản vẽ hoàn công cho từng hạng mục công trình trong vòng 07 ngày kể từ khi hạng mục công trình được nghiệm thu.
<b>E-ĐKC 55.2</b>	Số tiền giữ lại: <b>197.000.000 đồng</b>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.